





BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

HỘI TỤ CÔNG NGHỆ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC LỤC

▶ NỘI DUNG CHÍNH	A.	▶ KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG	E.
▶ GIỚI THIỆU CHUNG	B.	▶ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	F.
▶ KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG	C.	▶ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP MỚI	G.
▶ KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐÀ NẴNG	D.	▶ PHỤ LỤC	H.



NỘI DUNG CHÍNH

Khu thương mại tự do Đà Nẵng (FTZ Đà Nẵng) là mô hình FTZ đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam. Kết hợp cùng Khu công nghệ cao và Trung tâm tài chính quốc tế, FTZ Đà Nẵng mở ra một cánh cửa đầu tư chiến lược với tiềm năng tăng trưởng vượt trội. Nằm tại một trong những thành phố năng động nhất châu Á, FTZ Đà Nẵng không chỉ là cơ hội đầu tư, mà còn là tâm điểm công nghệ và thương mại mới của Việt Nam và khu vực.

Với vị trí chiến lược kết nối trực tiếp đến Cảng biển nước sâu Liên Chiểu, sân bay quốc tế và các tuyến giao thông huyết mạch, DSEZA đang kêu gọi các Nhà đầu tư hạ tầng cho 07 khu chức năng thuộc FTZ. DSEZA cam kết đồng hành cùng Nhà đầu tư hạ tầng xây dựng một hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại và sẵn sàng đón nhận các dự án.

Các nhà đầu tư khi triển khai dự án tại đây sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi vượt trội và cạnh tranh bậc nhất Việt Nam, tương đương với các Khu kinh tế. Đặc biệt, thuế suất thu nhập doanh nghiệp chỉ 10% trong 15 năm, cùng ưu đãi miễn thuế 4 năm đầu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo, là cam kết mạnh mẽ từ Chính phủ nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.

Sức hấp dẫn của Đà Nẵng đã được minh chứng qua sự thành công của Khu công nghệ cao Đà Nẵng, nơi đã thu hút hơn 1.14 tỷ USD từ các tập đoàn toàn cầu như Universal Alloy Corporation (UAC), Foxlink và Dentium.

Ngoài ra, sau sáp nhập với tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng đang sở hữu quỹ đất công nghiệp lớn với 13 khu công nghiệp mới, tổng diện tích hơn 6.000ha. Nguồn quỹ đất chiến lược này không chỉ mở rộng không gian phát triển mà còn khẳng định cam kết của thành phố trong việc tạo lập môi trường đầu tư rộng lớn, bền vững và đầy tiềm năng cho các nhà đầu tư.

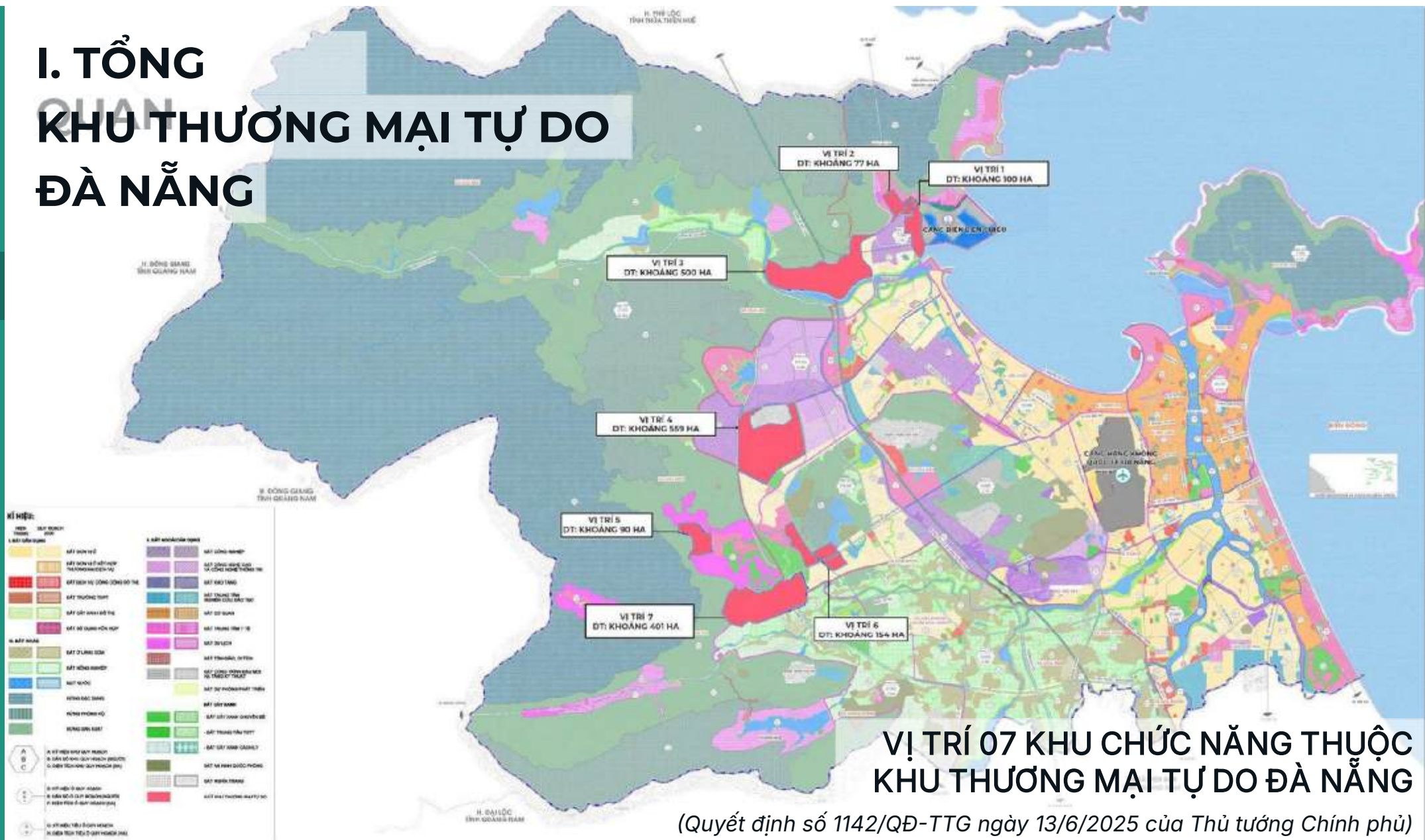


GIỚI THIỆU CHUNG

- ▶ KHU THƯƠNG MẠI
TỰ DO ĐÀ NẴNG
- ▶ CÁC KCN ĐÀ NẴNG CŨ
- ▶ CÁC KCN QUẢNG NAM CŨ

I. TỔNG QUAN

KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐÀ NẴNG



II. TỔNG QUAN VỀ CÁC ĐÀ NẴNG CŨ

1. Khu Công Nghệ Cao

📍 1.128,4 ha

2. Khu CNTT TT

📍 131 ha

3. KCN Liên Chiểu

📍 289,35 ha

4. KCN Hòa Khánh

📍 394 ha

5. KCN Hòa Khánh MR

📍 132,6 ha

6. Khu DVTS Đà Nẵng

📍 50,63 ha

7. KCN Đà Nẵng

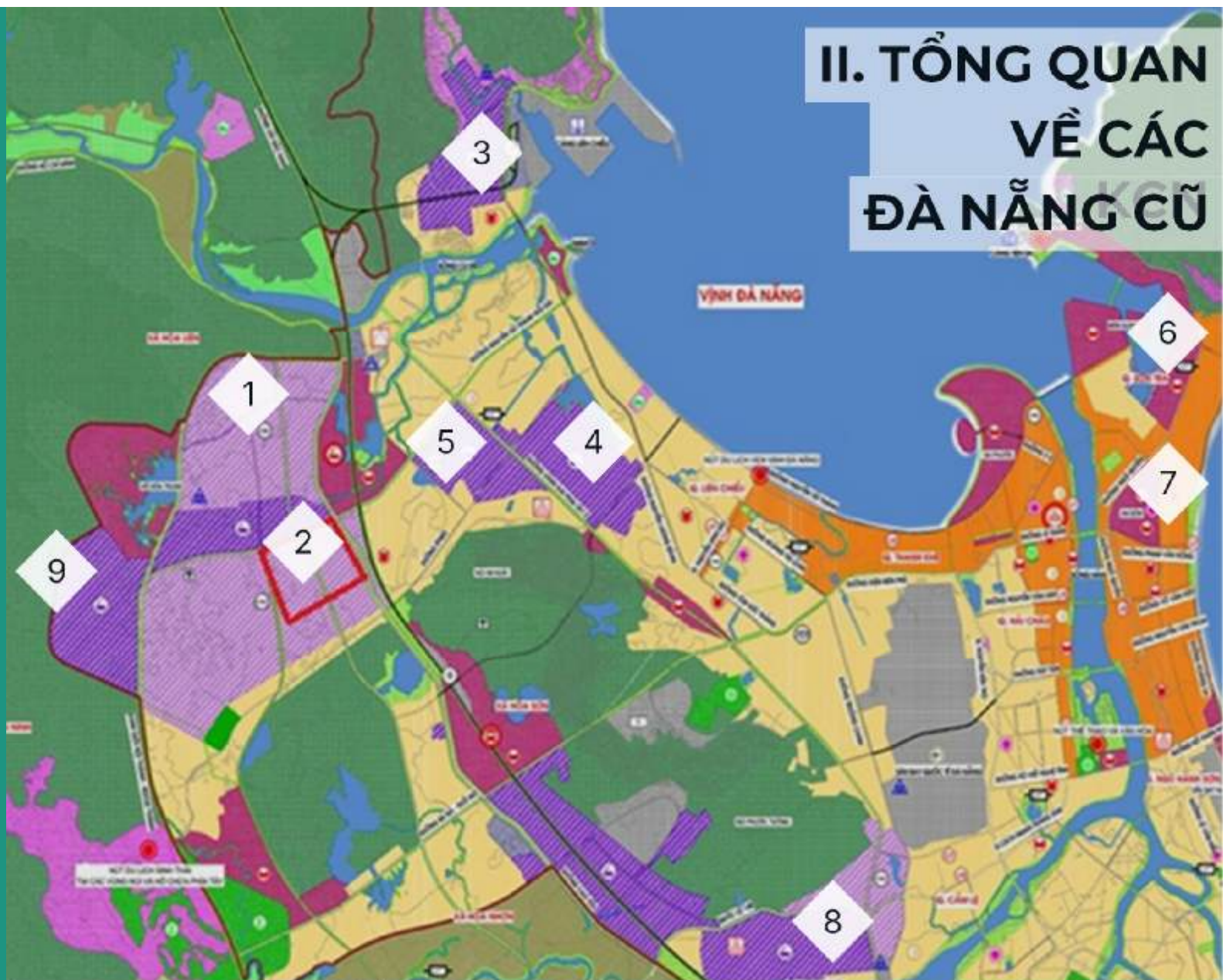
📍 50,1 ha

8. KCN Hòa Cầm

📍 GĐ 1: 136 ha

9. KCN Hòa Ninh

📍 GĐ 1: 400,02 ha
(Chưa có CSHT)



III. TỔNG QUAN VỀ CÁC QUẢNG NAM CŨ

1. KCN Điện Nam Điện Ngọc

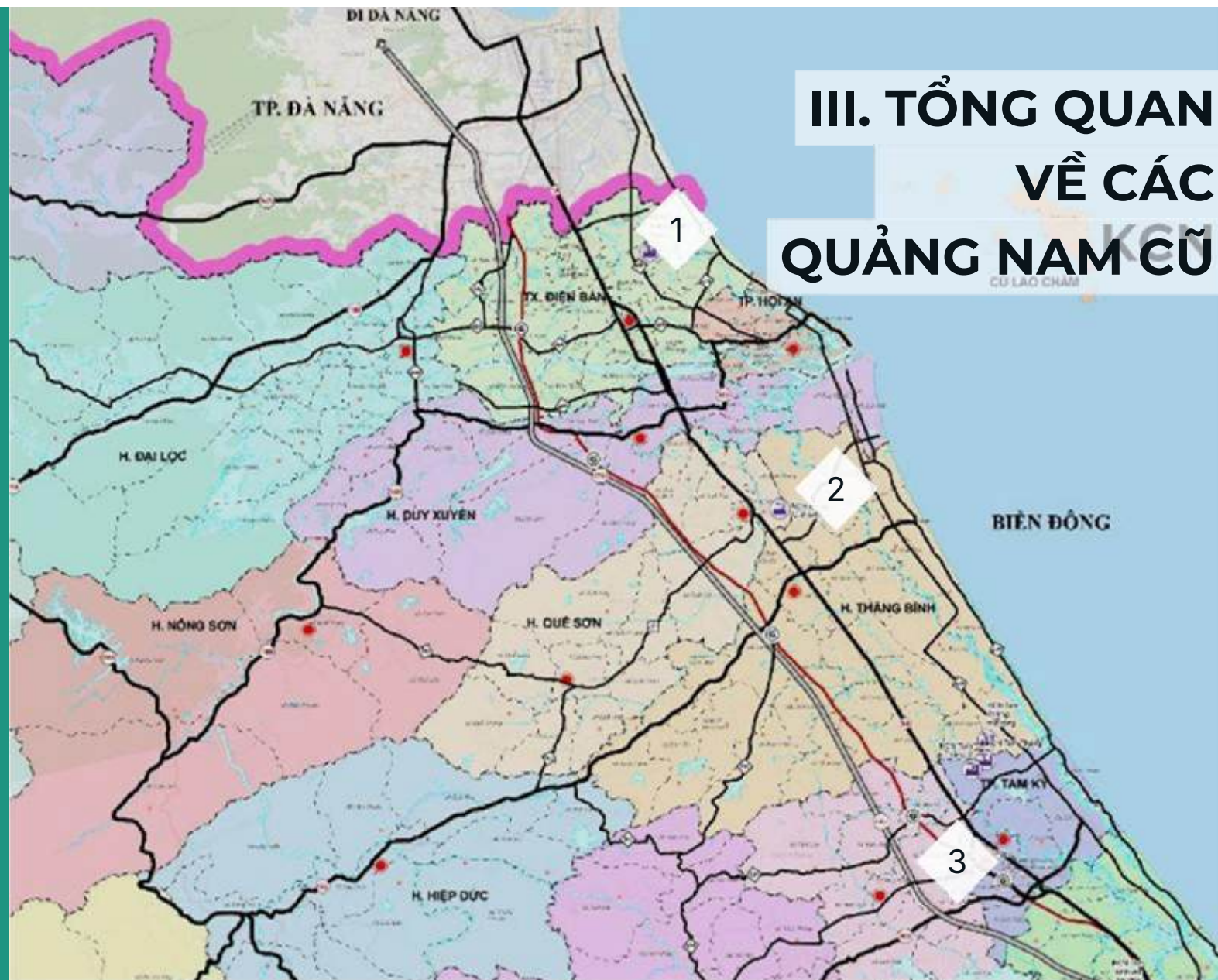
📍 357,08 ha

2. KCN Đông Quế Sơn

📍 211,26 ha

3. KCN Thuận Yên

📍 148,42 ha





KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

- ▶ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN
- ▶ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ
- ▶ QUY HOẠCH KHU
- ▶ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- ▶ LĨNH VỰC ƯU TIÊN
- ▶ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ
- ▶ CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐẦU TƯ

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Thành lập Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp
Quảng Nam – Đà Nẵng (QĐ 548/TTg).



1995



I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương;
Ban đổi tên, thúc đẩy hình thành các KCN trọng điểm.



1997

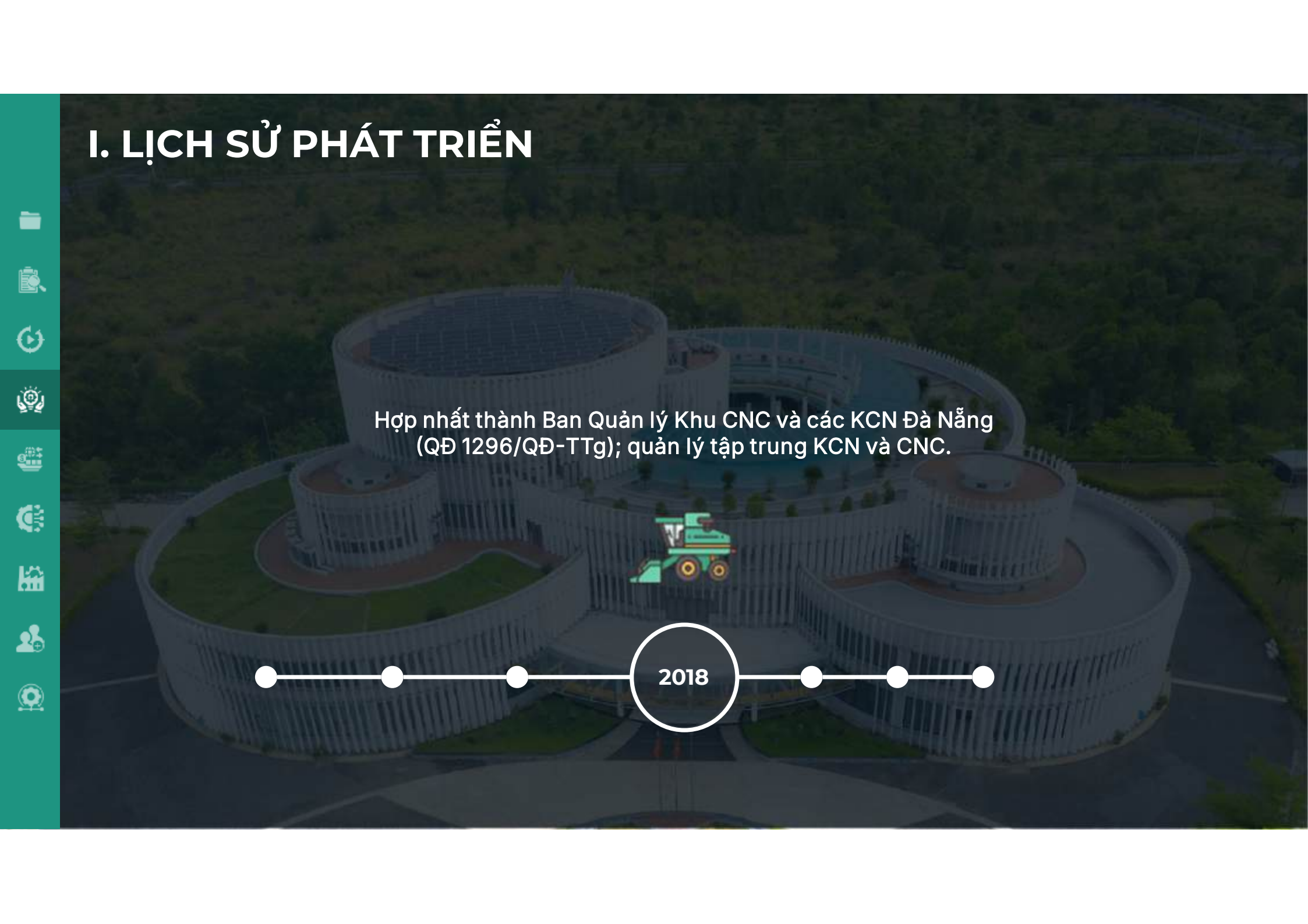
I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (QĐ 1980/QĐ-TTg); xây dựng một trong 3 khu CNC quốc gia.

2010

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Hợp nhất thành Ban Quản lý Khu CNC và các KCN Đà Nẵng (QĐ 1296/QĐ-TTg); quản lý tập trung KCN và CNC.



2018



I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Thêm chức năng quản lý Khu CNTT tập trung (DITP).



2020

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

2024–2025 – Nghị quyết 136/QH15, Quyết định 34/2025/QĐ-UBND:
Tái cơ cấu thành DSEZA, quản lý 4 trụ cột (CNC, KCN, DITP, FTZ).



2024

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Đà Nẵng – Quảng Nam sáp nhập; DSEZA tiếp nhận thêm 13 KCN từ Quảng Nam (cũ), mở rộng quy mô liên vùng.



2025

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

CẢNG LIÊN CHIỀU – 5KM

CẢNG TIÊN SA – 25KM

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH – 22KM

SÂN BAY QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG – 17KM



III. QUY HOẠCH KHU CÔNG NGHỆ CAO

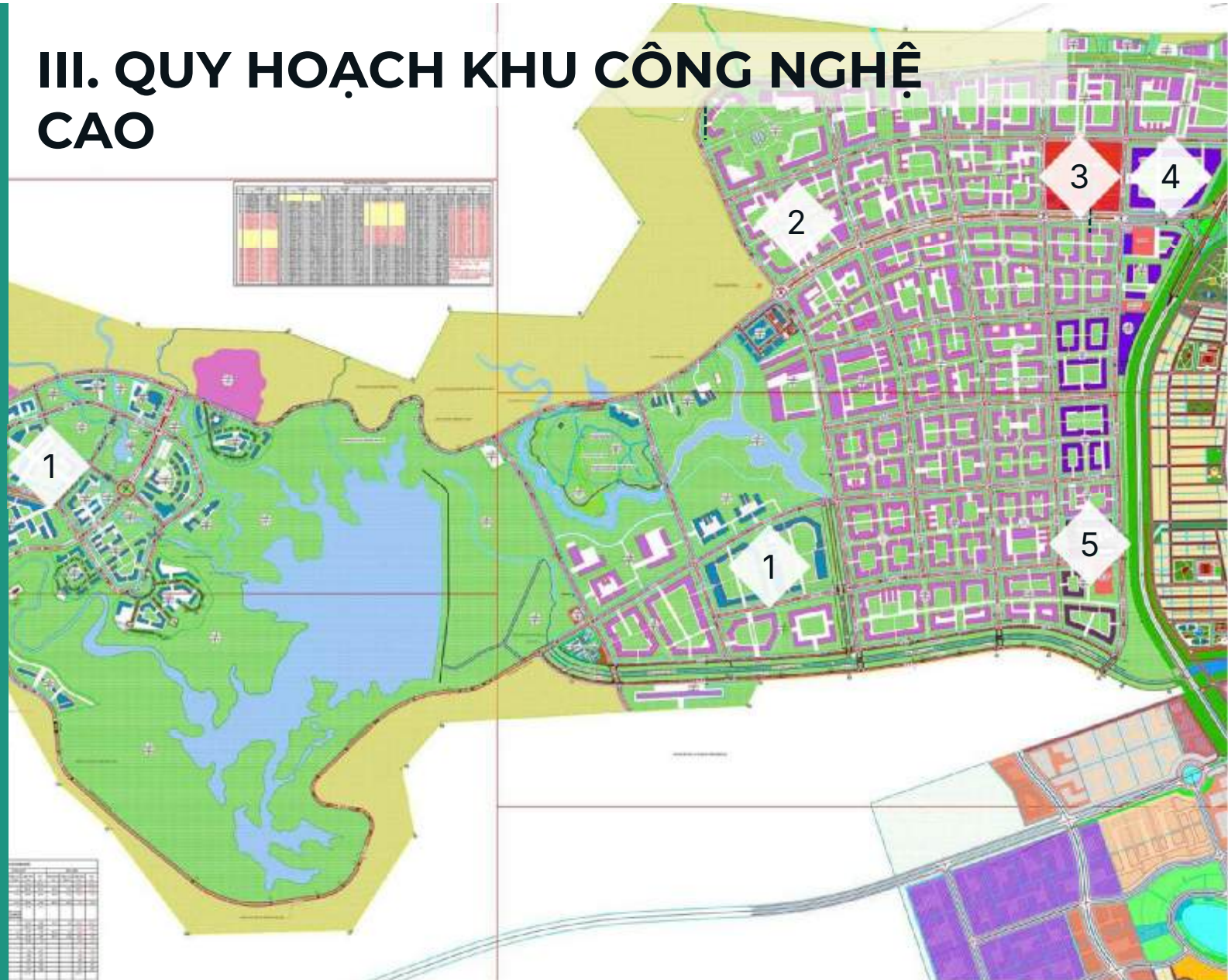
1. Khu Nghiên Cứu - Phát Triển, Đào Tạo Và Ươm Tạo Công Nghệ Cao
📍 90.14 ha

2. Khu Sản Xuất Công Nghệ Cao
📍 224.43 ha

3. Khu Hành Chính
📍 2.65 ha

4. Khu Hậu Cần, Logistics Và Dịch Vụ Công Nghệ Cao
📍 59.64 ha

5. Khu Hạ Tầng Kỹ Thuật Đầu Mối
📍 9.75 ha



IV. HẠ TẦNG KỸ THUẬT



IV. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. CẤP NƯỚC

Nhà máy nước hồ Hòa Trung 10.000m³/ ngày đêm

Bên cạnh đó, lân cận Khu công nghệ cao Đà Nẵng có Nhà máy nước Hòa Liên (cách khoảng 2km) đang hoạt động giai đoạn 1 với công suất 120.000 m³/ngày đêm (công suất theo thiết kế là 240.000m³/ngày đêm); đã xây dựng đường ống, sẵn sàng cấp nước cho các dự án tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng và lân cận.



2. CẤP ĐIỆN

**Trạm biến áp 110kV, Công suất thiết kế 2x63MW.
Hiện đang hoạt động với công suất 2x40MWZ**

Ngoài ra, có Nhà máy nhiệt điện LNG Hòa Ninh đặt tại KCN Hòa Ninh (cách Khu công nghệ cao Đà Nẵng khoảng 5km) đang được đầu tư, dự kiến đi vào hoạt động giai đoạn 1 (1.500MW) năm 2030; giai đoạn 2 có công suất 1.500MW sẽ tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện sau năm 2030.



IV. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

3. NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Tổng công suất Nhà máy Xử lý nước thải:
18.000m³/ngày đêm

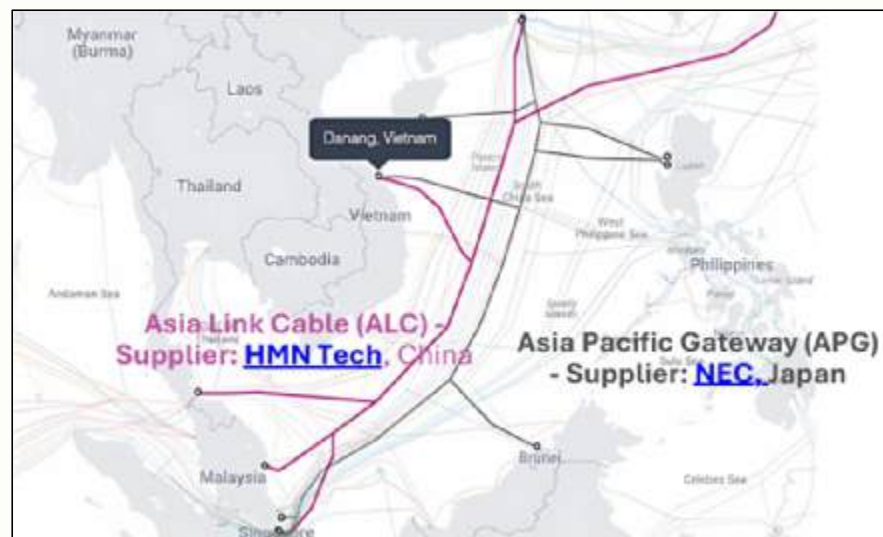
Công suất hiện tại của module 1 là 4.500m³/ngày đêm

Nước thải sau xử lý đạt loại A theo QCVN 40:2011



4. VIỄN THÔNG

- Hạ tầng đường truyền: 02 tuyến cáp quang SWM và APG, tổng dung lượng 55,13 Tb/s; Tuyến truyền dẫn Bắc Nam với tổng dung lượng 14,2 Tb/s; Hệ thống cáp quang SMW-3.
- Tuyến cáp quang ngầm từ trung tâm thành phố đến Khu công nghệ cao:
 - Đảm bảo liên lạc, kết nối thông suốt
 - Đường truyền chất lượng cao, bảo mật, an toàn và an ninh mạng



V. LĨNH VỰC ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ

(Chi tiết danh mục công nghệ cao theo **Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020** tham khảo phần Phụ lục)

99

CÔNG NGHỆ CAO
Ưu Tiên Phát Triển

107

**SẢN PHẨM
CÔNG NGHỆ CAO**
Khuyến Khích Phát Triển



**Ví Điện Tử | Cơ Điện Tử
| Quang Điện Tử**



Công Nghệ Sinh Học



**Công Nghệ Thông Tin
Và Truyền Thông**



**Tự Động Hóa | Cơ Khí
Chính Xác**



**Năng Lượng Mới |
Vật Liệu Mới |
Công Nghệ Nano**



**Công Nghệ Hóa Dầu |
Công Nghệ Khác**

VI. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
THUẾ THU NHẬP



ƯU ĐÃI
THUẾ NHẬP KHẨU



ƯU ĐÃI
XUẤT NHẬP CẢNH

1. ƯU ĐÃI TIỀN THUÊ ĐẤT

(Nghị định **04/2018/NĐ-CP**
ngày 04 tháng 01 năm
2018 của Chính phủ quy
định cơ chế, chính sách ưu
đãi đối với Khu công nghệ
cao Đà Nẵng)

**MIỄN TOÀN BỘ
THỜI GIAN THUÊ**

**MIỄN THUẾ
19 NĂM**

**MIỄN THUẾ
15 NĂM**

VI. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
THUẾ THU NHẬP



ƯU ĐÃI
THUẾ NHẬP KHẨU



ƯU ĐÃI
XUẤT NHẬP CẢNH

2. ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Năm 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20

Thuế Suất 10%

Miễn Thuế

Giảm 50%

Năm đầu tiên có doanh thu
(tính thuế suất ưu đãi)

Năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế
(tính thời gian miễn, giảm thuế)

Ưu đãi **10%** trong **15 năm** | **Miễn thuế** trong **04 năm** đầu | Giảm **50%** trong **09 năm** tiếp theo

Dự án từ **3.000 tỷ đồng**: Ưu đãi **10%** trong **30 năm**, và được **miễn 100%** tiền bồi thường và giải phóng mặt bằng

VI. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
THUẾ THU NHẬP



ƯU ĐÃI
THUẾ NHẬP KHẨU



ƯU ĐÃI
XUẤT NHẬP CẢNH

3. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ NHẬP KHẨU



**Hàng Hóa Nhập Khẩu
Để Tạo Tài Sản Cố Định**

(Máy móc, thiết bị, linh kiện,
phương tiện vận tải, vật tư xây
dựng **trong nước chưa sản
xuất được**)



**Miễn Thuế Nhập Khẩu
Trong Thời Hạn 05 Năm**

(Nguyên liệu, vật tư, linh
kiện trong nước chưa sản
xuất được nhập khẩu để
sản xuất)



Miễn Thuế Nhập Khẩu

(Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư
chuyên dùng trong nước chưa sản xuất
được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên
dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu
khoa học công nghệ, ươm tạo công nghệ,
ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công
nghệ trong Khu Công Nghệ cao.)

VI. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
ĐẦU TƯ



ƯU ĐÃI
THUẾ THU NHẬP



ƯU ĐÃI
THUẾ NHẬP KHẨU



ƯU ĐÃI
XUẤT NHẬP CẢNH

4. ƯU ĐÃI VỀ XUẤT NHẬP CẢNH

Nhà đầu tư, chuyên gia và người lao động là **người Việt Nam** định cư ở nước ngoài, **người nước ngoài làm việc trực tiếp** tại **Khu công nghệ cao** và **thành viên gia đình** (bao gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được xem xét cấp thị thực **có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh nhiều lần** với **thời hạn phù hợp** với mục đích nhập cảnh theo quy định của pháp luật

VII. DỰ ÁN ĐẦU TƯ

13 Dự Án FDI

DỰ ÁN BAN QUẢN LÝ
ĐÃ CẤP PHÉP ĐẦU TƯ

29

16 Dự Án Trong
Nước
365 Triệu USD

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ

1,14
tỷ \$

770,5 Triệu
USD

Dự án FDI

Dự án trong nước

ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

DANAPHA
PHARMACEUTICAL JSC

TOKYO
KEIKI

SAIGON
TEL

NIWA

KPC
VINA

HA
Future



KHU THƯƠNG MAI TỰ DO ĐÀ NẴNG

- ▶ Định Hướng Phát Triển
- ▶ Chính Sách Ưu Đãi
- ▶ Nhà Đầu Tư Chiến Lược

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Khu Chức Năng Sản Xuất, Logistics

Các ngành sản xuất có công nghệ hiện đại, tiên tiến, theo mô hình công nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, sản xuất sản phẩm tạo giá trị gia tăng cao với các ngành, lĩnh vực ưu tiên. dịch vụ logistics đa phương thức, dịch vụ hậu cần hỗ trợ liên quan (kho bãi, trung tâm phân phối hàng hóa, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bảo trì, sửa chữa; dịch vụ kiểm tra, kiểm định chất lượng hàng hoá; dịch vụ thương mại điện tử xuyên biên giới...)



I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

2. Khu Chức Năng Thương Mại Dịch Vụ

Bao gồm các hoạt động thương mại, dịch vụ chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế: kinh doanh hàng miễn thuế, thương mại điện tử xuyên biên giới, xúc tiến thương mại,...; Dịch vụ du lịch (các loại hình vui chơi giải trí, đặt cược, ...); dịch vụ giáo dục và y tế chất lượng cao; dịch vụ phụ trợ và kho bãi.



I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

3. Khu Chức Năng Công Nghiệp Công Nghệ Số, Đổi Mới Sáng Tạo Và Các Chức Năng Khác

Bao gồm cụm công nghiệp công nghệ; thương mại điện tử xuyên biên giới; nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thử nghiệm có kiểm soát đối với các ngành và lĩnh vực ưu tiên; dịch vụ tài chính thương mại và công nghệ tài chính (fintech)



II. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ

(Áp dụng cho tất cả nhà đầu tư)

01

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 10% trong 15 năm; Miễn thuế 4 năm đầu, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo

02

Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đến 70 năm

03

Mức ưu đãi, thời gian miễn, giảm tiền thuê đất đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng thuộc Khu TMTD được áp dụng như các khu chức năng trong khu kinh tế.

04

Ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, kế toán tương tự như ưu đãi cho các dự án trong khu kinh tế Ưu tiên xử lý hải quan

05

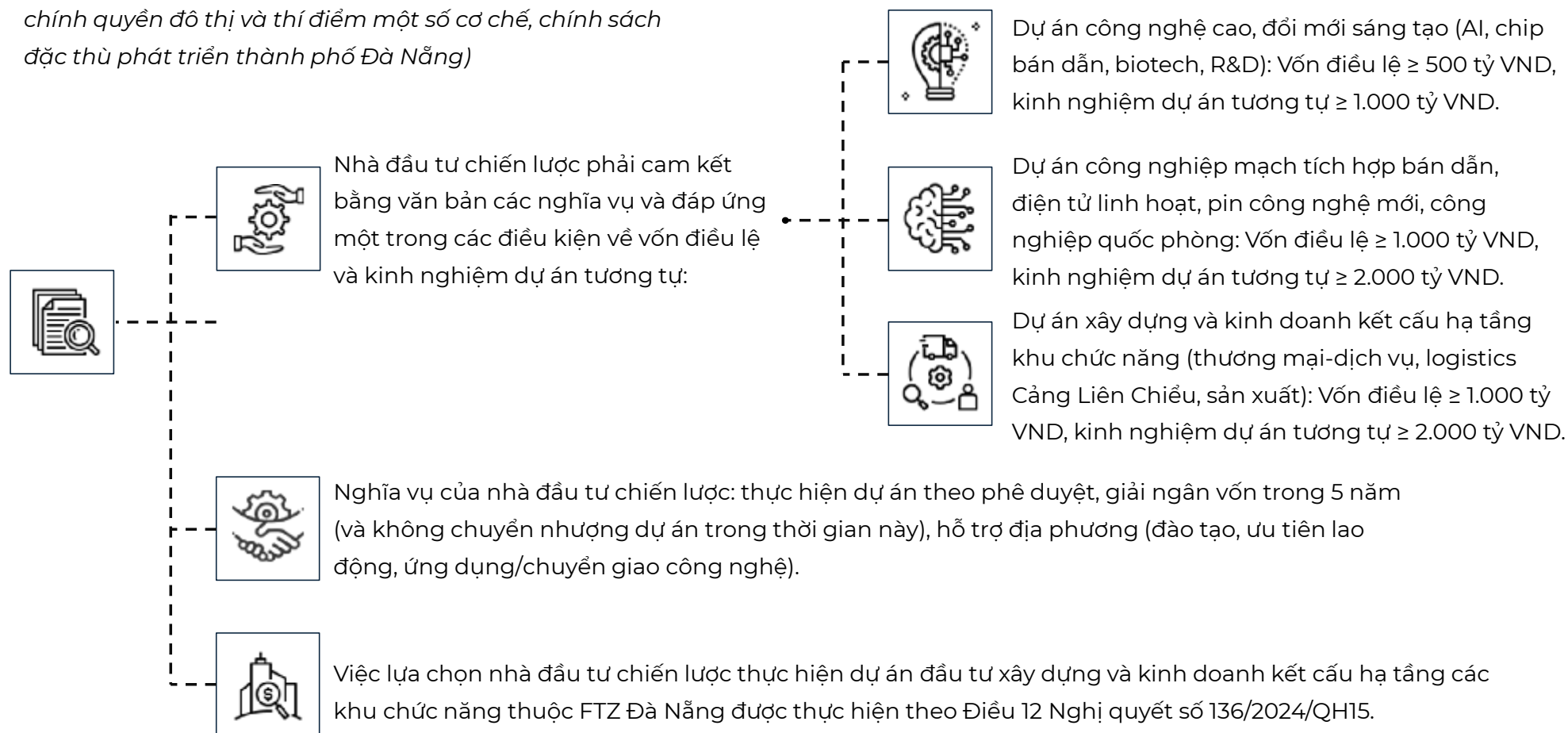
Ưu đãi thuế đối với hàng hóa, dịch vụ được mua bán, cung ứng trong Khu TMTD; giữa nội địa và nước ngoài với các khu trong KTMTD được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt như khu phi thuế quan trong khu kinh tế.

06

Nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế tại Khu thương mại tự do Đà Nẵng không phải có dự án đầu tư và không phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế.

III. NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC

(Theo Điều 12, Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng)



KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

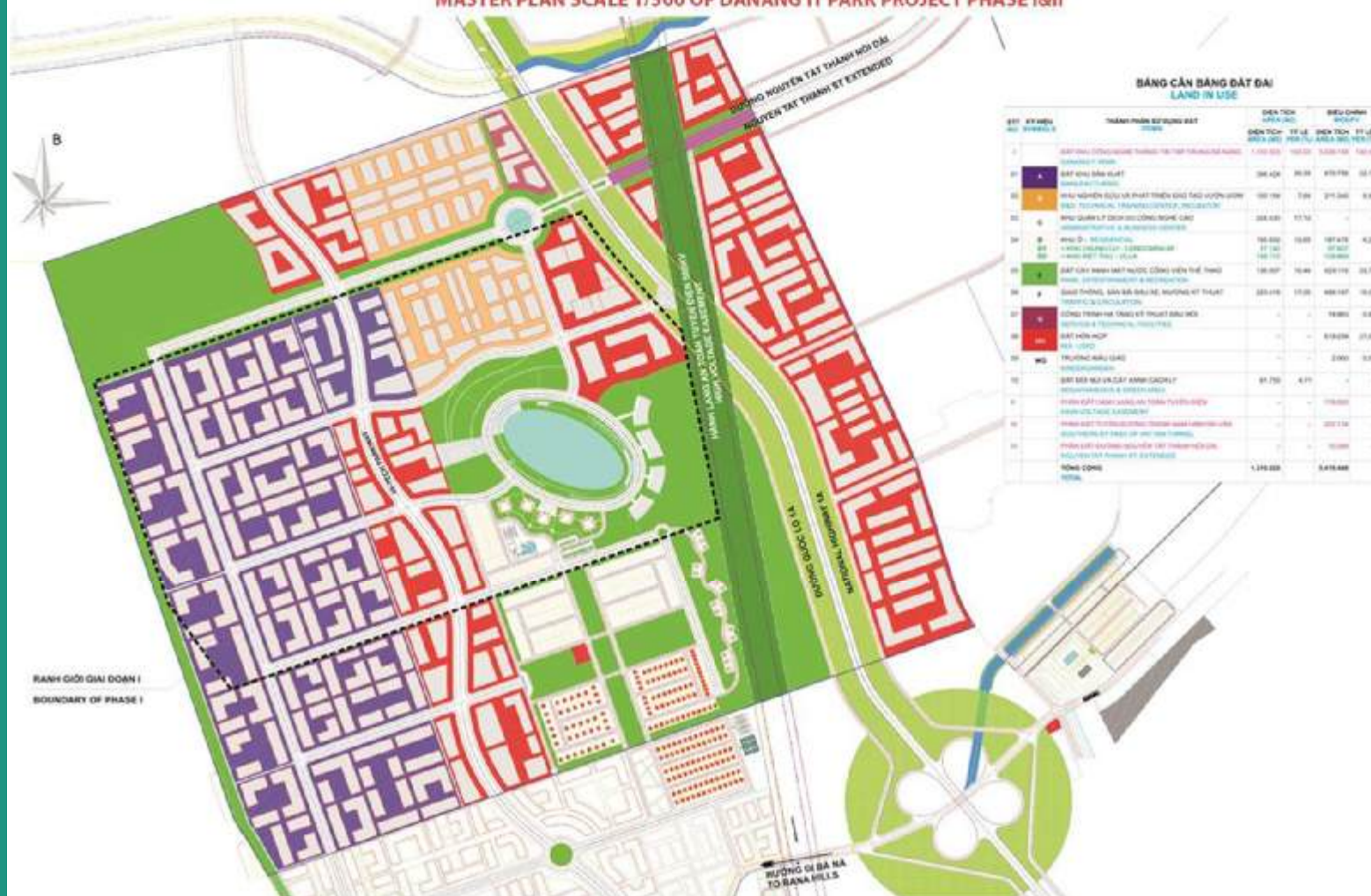




5 圖書



TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500
DỰ ÁN KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN I&II
MASTER PLAN SCALE 1/500 OF DANANG IT PARK PROJECT PHASE I&II





CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

▶ TỔNG QUAN

▶ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

I. TỔNG QUAN

STT	Tên Khu Công Nghiệp	Tổng Diện Tích (ha)	Tỉ Lệ Lấp Đầy (%)
1	Đà Nẵng	50.1	100
2	Liên Chiểu	394	100
3	Hòa Cầm	289.35	60
4	Hòa Khánh	149.84	80.27
5	Hòa Khánh mở rộng	132.6	100
6	Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng	50.63	100
7	Thuận Yên	148,42	42,03
8	Đông Quế Sơn	211,26	37,49
9	Điện Nam – Điện Ngọc	390,00	95,00
	Tổng Trung Bình	1.816,2	81,42

493
Dự Án

377
Dự Án
Trong
Nước

919.35
Triệu
USD

116
Dự Án
FDI

1.292
Triệu
USD



II. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ



6 Dự Án
189 triệu USD



19 Dự Án
336 triệu USD



49 Dự Án
695 triệu USD



10 Dự Án
695 triệu USD



4 Dự Án
234 triệu USD

Kết Quả



Xuất Khẩu: 929 triệu USD



Nhập Khẩu: 635 triệu USD



CÁC KHU CÔNG NGHIỆP MỚI

- ▶ 3 KHU CÔNG NGHIỆP MỚI
(ĐÀ NẴNG TRƯỚC SÁP NHẬP)
- ▶ 10 KHU CÔNG NGHIỆP MỚI
(QUẢNG NAM TRƯỚC SÁP NHẬP)

I. 03 KHU CÔNG NGHIỆP MỚI (Đà Nẵng Trước Sáp Nhập)

1 KCN HÒA NINH (PHÚ MỸ 3 ĐÀ NẴNG IP)

(Hòa Ninh, Hòa Vang, Đà Nẵng)

- **Chủ đầu tư:** Công ty CP Thanh Bình Phú Mỹ
- **Tổng mức đầu tư:** 6.203 tỷ VNĐ
- **Đang triển khai** xây dựng hạ tầng
- **Diện tích:** 400 ha

2 KCN HÒA NHƠN

(Hòa Nhơn, Hòa Vang, Đà Nẵng)

- **Đang triển khai** lựa chọn Nhà đầu tư
- **Tổng mức đầu tư:** 2.500 tỷ VNĐ
- **Diện tích:** 225,3 ha.

3 KCN HÒA CẦM (GIAI ĐOẠN 2)

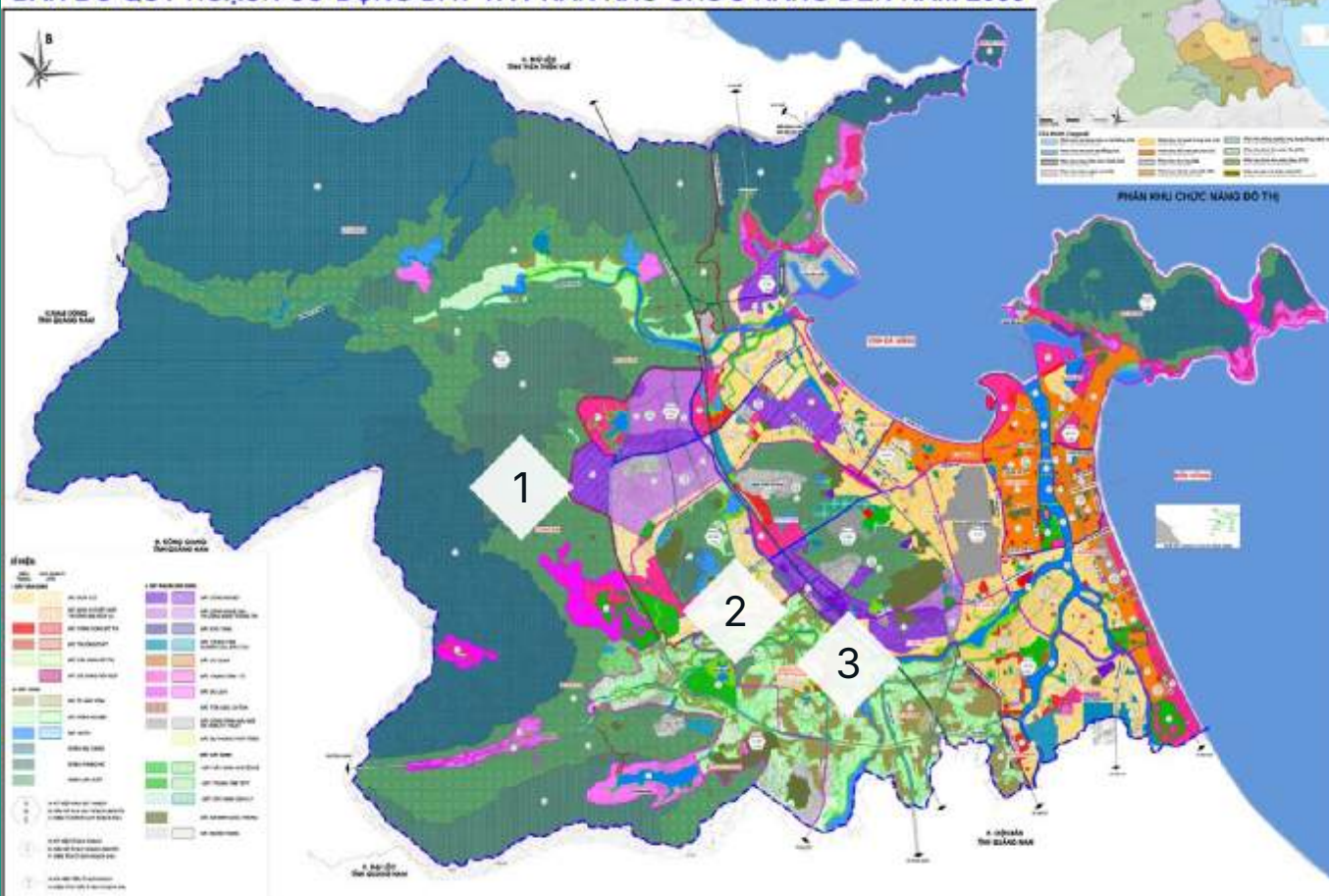
(Hòa Thọ Tây, Cẩm Lệ, Đà Nẵng)

- **Đấu thầu** lựa chọn Nhà đầu tư
- **Tổng mức đầu tư:** 2.176 tỷ VNĐ
- **Diện tích:** 120,019 ha
- **Đang triển khai** lựa chọn Nhà đầu tư

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG ĐẾN NĂM 2030



II. 10 KHU CÔNG NGHIỆP MỚI
(Quảng Nam Trước Sáp Nhập)

TT	Tên Khu công nghiệp	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	KCN Phú Xuân	230	Huyện Phú Ninh
2	KCN Bắc Thăng Bình 1	245	Quế Sơn, Thăng Bình
3	KCN Bắc Thăng Bình 2	770	Huyện Thăng Bình
4	KCN Đô thị dịch vụ Điện Tiến	400	Thị xã Điện Bàn
5	KCN Đại Lộc	600	Huyện Đại Lộc
6	KCN Đại Sơn	300	Huyện Đại Lộc
7	KCN Tây Quế Sơn	1200	Huyện Quế Sơn
8	KCN Công nghệ cao 2	300	Huyện Thăng Bình
9	KCN Phía tây cao tốc đoạn qua huyện Thăng Bình	400	Huyện Thăng Bình
10	KCN Bình Lâm - Bình Lãnh	490	Hiệp Đức, Thăng Bình



Theo Quyết định số 72/QĐ/TTG ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050



**CHÂN THÀNH CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ
QUAN TÂM THEO DÕI VÀ LẮNG NGHE**

PHỤ LỤC I

DANH MỤC 99 CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

TT	Tên công nghệ cao	TT	Tên công nghệ cao
1	Công nghệ trí tuệ nhân tạo.	11	Công nghệ tin sinh học.
2	Công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT).	12	Công nghệ địa tin học (Geoinformatics) ứng dụng trong các hệ thống khí tượng thủy văn, thăm dò khai thác dầu khí, nông nghiệp.
3	Công nghệ dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu lớn.	13	Công nghệ thiết kế, tích hợp và tối ưu hóa các mạng lưới và hệ thống viễn thông trong hạ tầng viễn thông quốc gia.
4	Công nghệ chuỗi khối (Blockchain).	14	Công nghệ thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin cho thuê.
5	Công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, điện toán lưới, điện toán biên, điện toán sương mù.	15	Công nghệ tích hợp hệ thống công nghệ viễn thông, công nghệ thông tin.
6	Công nghệ lượng tử.	16	Công nghệ BPO, KPO, ITO điện tử; chứng thực chữ ký điện tử; tạo lập nội dung số tự động; kiểm thử phần mềm tự động.
7	Công nghệ đảm bảo an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin tiên tiến.	17	Công nghệ hàng không, vũ trụ, viễn thám.
8	Công nghệ bản sao số (Digital twin).	18	Công nghệ thiết kế, chế tạo vệ tinh nhỏ và siêu nhỏ (Micro and nano satellites).
9	Công nghệ thực tại ảo (Virtual reality), thực tại tăng cường (Augmented reality) và thực tại trộn (Mixed reality).	19	Công nghệ mạng thế hệ sau (4G, 5G, 6G, NG-PON, SDN/NFV, SD-RAN, SD-WAN, LPWAN, IO-Link wireless, Network slicing, mạng truyền tải quang thế hệ mới).
10	Công nghệ xây dựng mô hình thông tin công trình (Building Information Model-BIM)	20	Công nghệ vô tuyến nhận thức (Cognitive radio).

DANH MỤC 99 CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

TT	Tên công nghệ cao	TT	Tên công nghệ cao
21	Công nghệ truyền hình thế hệ mới: mã hóa, giải mã tín hiệu thế hệ mới (H.265/HEVC, H.266/VVC); đóng gói và truyền tín hiệu trên nền tảng Internet, qua mạng viễn thông thế hệ sau (4G, 5G, 6G); truyền hình lai ghép (HbbTV); truyền hình tương tác.	31	Công nghệ tương tác người-máy thông minh.
22	Công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE).	32	Công nghệ thủy âm.
23	Công nghệ thiết kế, chế tạo màn hình độ phân giải cao.	33	Công nghệ thu thập và lưu trữ các bon (Carbon capture and storage),
24	Công nghệ chế tạo máy tính nhúng, máy chủ và hệ thống tính toán hiệu năng cao.	34	Công nghệ ánh sáng thông minh và quang tử (Photonics and light technologies).
25	Công nghệ phát triển hệ điều hành cho máy tính chuyên dụng, thiết bị di động thế hệ mới.	35	Công nghệ quang điện (Photovoltaics).
26	Công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị đầu cuối thông minh thế hệ mới.	36	Công nghệ năng lượng Hydrogen (Hydrogen energy).
27	Công nghệ thiết kế, chế tạo anten thông minh, anten mạng pha các dải băng tần.	37	Công nghệ năng lượng vi mô (Power microgeneration).
28	Công nghệ thiết kế, chế tạo radar xuyên đất.	38	Công nghệ gia công phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing- NTM) dùng siêu âm, tia lửa điện, hóa và điện hóa, plasma, tia nước áp suất cao, laser.
29	Công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, phần mềm, giải pháp, nền tảng, dịch vụ cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên.	39	Công nghệ xử lý bề mặt và hàn trong môi trường đặc biệt.
30	Công nghệ thiết kế, xây dựng hệ thống mô phỏng cho thiết bị và phương tiện giao thông vận tải; mô phỏng nhà máy sản xuất (Plant simulation).	40	Công nghệ rèn, dập tiên tiến để tạo phôi cho các sản phẩm cơ khí.

DANH MỤC 99 CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

TT	Tên công nghệ cao	TT	Tên công nghệ cao
41	Công nghệ in 3D tiên tiến.	48	Công nghệ nông nghiệp chính xác (Precision agriculture).
42	Công nghệ khoan thế hệ mới trong thăm dò dầu khí.	49	Công nghệ thiết kế, chế tạo các thiết bị điều khiển, thiết bị biến đổi điện tử công suất dùng cho: trạm phát điện năng lượng tái tạo, truyền tải điện thông minh; công nghiệp hóa chất và tuyến quặng; phương tiện giao thông dùng điện; các hệ truyền động điện công nghiệp; các thiết bị điện tử dân dụng tiên tiến; y tế; xây dựng và nông nghiệp.
43	Công nghệ tiên tiến trong thăm dò, thu hồi dầu và khí (Advanced oil, gas exploration and recovery).	50	Công nghệ thiết kế, chế tạo các cơ cấu chấp hành tiên tiến, bộ điều khiển, bộ giám sát và chẩn đoán tự động cho các hệ thống thiết bị đồng bộ trong các nhà máy.
44	Công nghệ lưu trữ năng lượng tiên tiến (Advanced energy storage technologies).	51	Công nghệ thiết kế, chế tạo máy điện hiệu năng cao: máy biến áp 500kV trở lên, máy biến áp GIS (Gas insulated Substation), máy biến áp kỹ thuật số.
45	Công nghệ tua bin gió tiên tiến (Advanced wind turbine technologies).	52	Công nghệ thiết kế, chế tạo, tích hợp robot tiên tiến; thiết bị tự hành.
46	Công nghệ phát điện dùng thủy triều, sóng biển, địa nhiệt; lưu trữ nhiên liệu khí mật độ năng lượng cao; lưu trữ năng lượng tái tạo hiệu năng cao, dung lượng lớn; pin nhiên liệu (Fuel cells); pin Lithium hiệu năng cao, dung lượng lớn, tuổi thọ lớn, an toàn và thân thiện môi trường; tích trữ điện năng dùng siêu tụ điện.	53	Công nghệ thiết kế, chế tạo máy công cụ điều khiển số (CNC) độ chính xác cao thế hệ mới.
47	Công nghệ sản xuất linh hoạt (FM), công nghệ sản xuất tích hợp (CIM), công nghệ sản xuất thông minh (IMS).	54	Công nghệ thiết kế, chế tạo khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds) có tính năng kỹ thuật, độ chính xác và chất lượng cao.

DANH MỤC 99 CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

TT	Tên công nghệ cao	TT	Tên công nghệ cao
69	Công nghệ canh tác không dùng đất quy mô công nghiệp.	79	Công nghệ phân tích và chẩn đoán phân tử (Molecular analysis and diagnosis).
70	Công nghệ thể hệ mới trong xử lý, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.	80	Công nghệ tách, chiết hoạt chất được liệu siêu sạch.
71	Công nghệ thần kinh (Neurotechnologies).	81	Công nghệ sản xuất viên đông khô, viên giải phóng có kiểm soát, viên nang ứng dụng lidose, thuốc tác dụng tại dịch.
72	Công nghệ y học tái tạo và kỹ thuật tạo mô (Regenerative medicine and tissue engineering).	82	Công nghệ chế tạo, sản xuất kháng thể đơn dòng, protein, enzyme tái tổ hợp.
73	Công nghệ hạt nhân, công nghệ bức xạ trong công nghiệp, nông nghiệp, y tế.	83	Công nghệ sản xuất thiết bị, vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế.
74	Công nghệ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bằng tiệt khuẩn nhiệt độ thấp, microwave, plasma.	84	Công nghệ điều chế và sản xuất các loại vắc xin, sinh phẩm y tế và sinh phẩm chẩn đoán thể hệ mới.
75	Công nghệ giải trình tự gen thể hệ mới.	85	Công nghệ chế tạo, sản xuất các chế phẩm vi sinh vật đạt tiêu chuẩn quốc tế.
76	Công nghệ tế bào gốc ứng dụng trong tái tạo mô, cơ quan, điều trị bệnh; công nghệ điều trị bệnh bằng tế bào miễn dịch.	86	Công nghệ sản xuất các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hòa sinh trưởng cho cây trồng, thuốc kích dục tổ thủy sản thể hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế.
77	Công nghệ nhân, nuôi mô tế bào chất lượng cao quy mô công nghiệp.	87	Công nghệ chiết trong sản xuất vật liệu siêu sạch ở quy mô công nghiệp.
78	Công nghệ OMICS (Genomics, transcriptomics, proteomics, metabolomics, metanenomics).	88	Công nghệ tái chế polyme (Upcycling polymers).

DANH MỤC 99 CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

TT	Tên công nghệ cao	TT	Tên công nghệ cao
89	Công nghệ vật liệu xúc tác, hấp thụ.	95	Công nghệ bê tông cốt phi kim đúc sẵn chất lượng cao.
90	Công nghệ lắng đọng vật lý từ pha hơi (PVD) và lắng đọng hóa học từ pha hơi (CVD).	96	Công nghệ điện phân nhôm với dòng điện 500 kA.
91	Công nghệ vật liệu nano cao cấp, màng phủ nano.	97	Công nghệ chế tạo vật liệu tiên tiến: vật liệu cho chế tạo linh kiện vi cơ điện tử và cảm biến thông minh; vật liệu bán dẫn, quang điện tử và quang tử; vật liệu tầng hình; vật liệu tự phục hồi (Self healing materials); vật liệu từ; vật liệu in 3D tiên tiến; vật liệu siêu bền, siêu nhẹ; vật liệu, thiết bị tiếp xúc với dịch, xương, mô, máu có thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc vĩnh viễn; vật liệu y sinh học; vật liệu polyme tiên tiến và composite nền cao phân tử chất lượng cao; vật liệu polyme có khả năng tự phân hủy, thân thiện với môi trường; vật liệu gốm, sứ kỹ thuật cao; vật liệu sợi tính năng cao, sợi thủy tinh đặc biệt, sợi carbon; vật liệu chức năng (Functional materials).
92	Công nghệ nano trong sản xuất.	98	Công nghệ chế tạo sơn chuyên dụng cao cấp, thân thiện với môi trường.
93	Công nghệ sản xuất kim loại tinh khiết, hợp kim đặc biệt.	99	Công nghệ chế tạo cao su kỹ thuật cao cấp, cao su tổng hợp chuyên dụng cho ngành chế tạo máy, điện, điện tử, an ninh, quốc phòng.
94	Công nghệ ức chế ăn mòn kim loại trong các môi trường biển đảo và các quá trình công nghiệp đặc biệt.		

PHỤ LỤC II

DANH MỤC 107 SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

TT	Tên sản phẩm công nghệ cao	TT	Tên sản phẩm công nghệ cao
1	Hệ thống, thiết bị, phần mềm, phân tích nhận dạng, dự báo, điều khiển dựa trên trí tuệ nhân tạo	10	Dịch vụ thiết kế, tích hợp và tối ưu hóa các mạng lưới và hệ thống viễn thông trong hạ tầng viễn thông quốc gia,
2	Thiết bị, mô-đun, phần mềm, nền tảng, giải pháp tích hợp IoT và dịch vụ nền tảng IoT	11	Dịch vụ tư vấn, thiết kế và cho thuê hệ thống công nghệ thông tin
3	Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ công nghệ chuỗi khối (Blockchain)	12	Dịch vụ tích hợp và quản trị hệ thống công nghệ viễn thông, công nghệ thông tin
4	Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ ảo hóa, dịch vụ tích hợp hệ thống, điện toán đám mây, điện toán biên, điện toán sương mù	13	Dịch vụ BPO, KPO, ITO điện tử; dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử; dịch vụ tạo lập nội dung số tự động
5	Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ đảm bảo an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin tiên tiến	14	Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ kiểm thử phần mềm tự động
6	Thẻ thông minh, đầu đọc thẻ thông minh	15	Vệ tinh, vệ tinh nhỏ, vệ tinh siêu nhỏ và thiết bị vệ tinh; thiết bị và trạm thu phát đầu cuối của vệ tinh; thiết bị bay; hệ thống điều khiển thiết bị bay
7	Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ thực tại ảo (Virtual reality), thực tại tăng cường (Augmented reality) và thực tại trộn (Mixed reality)	16	Hệ thống, thiết bị định vị toàn cầu
8	Mô hình thông tin công trình (Building Information Model-BIM)	17	Thiết bị, mô-đun, phần mềm mạng thế hệ sau (4G, 5G, 6G, NG-PON, SDN/NFV, SD-RAN, SD-WAN, LPWAN, io-Link wireless.Network slicing, mạng truyền tải quang thế hệ mới)
9	Phần mềm xử lý, cơ sở dữ liệu thông tin Y-Sinh	18	Thiết bị, phần mềm, giải pháp vô tuyến nhận thức (Cognitive radio)

DANH MỤC 107 SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

TT	Tên sản phẩm công nghệ cao	TT	Tên sản phẩm công nghệ cao
19	Thiết bị, mô-đun, phần mềm mã hóa, giải mã tín hiệu thế hệ mới (H.265/HEVC, H.266/VVC); thiết bị đóng gói và truyền tín hiệu trên nền tảng Internet, qua mạng viễn thông thế hệ sau (4G, 5G, 6G); hệ thống, thiết bị truyền hình lai ghép (HbbTV), truyền hình tương tác)	29	Hệ thống mô phỏng buồng điều khiển cho thiết bị và phương tiện giao thông vận tải, mô phỏng nhà máy sản xuất (Plant simulation)
20	Bản thiết kế vi mạch và lõi IP	30	Thiết bị, giải pháp gia công phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing-NTM) dùng siêu âm, tia lửa điện, hóa và điện hóa, plasma, tia nước áp suất cao, laser
21	Linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC); sản phẩm, mạch điện tử linh hoạt (PE)	31	Thiết bị, giải pháp xử lý bề mặt và hàn trong môi trường đặc biệt
22	Màn hình độ phân giải cao	32	Thiết bị, phần mềm, giải pháp in 3D tiên tiến
23	Máy tính nhúng và máy chủ, hệ thống tính toán hiệu năng cao	33	Hệ thống, thiết bị khoan thế hệ mới trong thăm dò dầu khí
24	Hệ điều hành cho máy tính chuyên dụng, thiết bị di động thế hệ mới	34	Hệ thống phát điện dùng thủy triều, sóng biển, địa nhiệt
25	Thiết bị đầu cuối thông minh thế hệ mới	35	Tấm quang điện (PV) hiệu suất cao và thân thiện môi trường
26	Anten thông minh, anten mạng pha các dải băng tần	36	Hệ thống, thiết bị lưu giữ nhiên liệu khí mật độ năng lượng cao
27	Thiết bị radar xuyên đất	37	Hệ thống, thiết bị lưu trữ năng lượng tái tạo hiệu năng cao, dung lượng lớn
28	Thiết bị, phần mềm, giải pháp, nền tảng, dịch vụ cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên	38	Pin nhiên liệu (Fuel cells); pin, bộ pin Lithium hiệu năng cao, dung lượng lớn, tuổi thọ lớn, an toàn và thân thiện môi trường; bộ tích trữ điện năng dùng siêu tụ điện

DANH MỤC 107 SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

TT	Tên sản phẩm công nghệ cao	TT	Tên sản phẩm công nghệ cao
39	Chất điện phân (Electrolyte) và màng điện phân (Membrane) tiên tiến cho pin nhiên liệu	49	Hệ thống, máy công cụ, thiết bị điều khiển số (CNC) độ chính xác cao thế hệ mới
40	Hệ thống điều khiển tối ưu, kết cấu và cơ chế cung cấp nhiên liệu, oxy và quản lý nhiệt hiệu quả cho pin nhiên liệu	50	Khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds) có tính năng kỹ thuật, độ chính xác và chất lượng cao
41	Thiết bị, dây chuyền, hệ thống, phần mềm, giải pháp sản xuất linh hoạt (FMS), sản xuất tích hợp (CIM) và sản xuất thông minh (IMS)	51	Giàn khoan tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm cho khai thác dầu khí và các kết cấu siêu trường, siêu trọng phục vụ ngành dầu khí; thiết bị nâng hạ, chuyên dụng tải trọng lớn
42	Thiết bị bảo vệ kỹ thuật số, thiết bị đảm bảo chất lượng điện năng trong hệ thống điện	52	Tàu thủy cỡ lớn, tàu thủy có tính năng phức tạp
43	Thiết bị điều khiển, thiết bị biến đổi điện tử công suất hiệu suất cao dùng cho: trạm phát điện năng lượng tái tạo, truyền tải điện thông minh; công nghiệp hóa chất và tuyển quặng; phương tiện giao thông dùng điện; các hệ truyền động điện công nghiệp; các thiết bị điện tử dân dụng tiên tiến; y tế; xây dựng và nông nghiệp	53	Thiết bị, hệ thống ray dẫn động cho thang máy không cáp kéo và thang máy không cáp kéo dùng trong xây dựng
44	Thiết bị và trạm sạc không dây hiệu suất cao	54	Máy canh tác, chăm sóc, thu hoạch và sau thu hoạch thế hệ mới
45	Các cơ cấu chấp hành tiên tiến, bộ điều khiển, bộ giám sát và chẩn đoán tự động cho các hệ thống thiết bị đồng bộ trong các nhà máy	55	Hệ thống thiết bị chế biến và bảo quản thực phẩm có quy mô công nghiệp
46	Máy điện hiệu năng cao: máy biến áp 500 kV trở lên, máy biến áp GIS (Gas Insulated Substation), máy biến áp kỹ thuật số	56	Hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh
47	Robot tiên tiến, hệ thống tích hợp robot tiên tiến	57	Trang thiết bị cho lưới điện thông minh
48	Thiết bị tự hành	58	Hệ thống quan trắc ô nhiễm môi trường tự động

DANH MỤC 107 SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

TT	Tên sản phẩm công nghệ cao	TT	Tên sản phẩm công nghệ cao
59	Thiết bị đo theo nguyên lý không tiếp xúc, không phá hủy và tán xạ ánh sáng	71	Sản phẩm, giải pháp công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới
60	Thiết bị LiDAR, thiết bị đo theo nguyên lý quán tính (INS), la bàn điện tử độ chính xác cao	72	Tế bào, mô và các cơ quan thay thế được tạo ra từ tế bào gốc; điều trị bệnh bằng tế bào gốc và tế bào miễn dịch
61	Máy chiếu biên dạng	73	Sản phẩm chất lượng cao được tạo ra với quy mô công nghiệp từ nhân, nuôi mô tế bào
62	Máy hiện sóng, máy phân tích phổ, máy đo bức xạ sử dụng kỹ thuật số	74	Hệ thống, thiết bị phân tích và chẩn đoán phân tử (Molecular analysis and diagnosis)
63	Kính hiển vi quang học phức hợp	75	Hoạt chất được liệu siêu sạch
64	Thấu kính, lăng kính, kính áp tròng chất lượng cao	76	Viên đông khô, viên giải phóng có kiểm soát, viên nang ứng dụng lidose, thuốc tác dụng tại dịch
65	Thiết bị tạo tia laser công suất lớn (trừ diode laser)	77	Sản phẩm kháng thể đơn dòng, protein, enzyme tái tổ hợp
66	Camera kỹ thuật số chuyên dụng, mô-đun camera thế hệ mới	78	Thiết bị, vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế
67	Hệ thống, thiết bị thông minh phục vụ chẩn đoán, theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người	79	Các loại vắc xin, sinh phẩm y tế, sinh phẩm chẩn đoán thế hệ mới
68	Hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS), cảm biến sinh học, cảm biến thông minh và hệ lab-on-a-chip (LOC)	80	Các chế phẩm vi sinh vật đạt tiêu chuẩn quốc tế
69	Các chế phẩm nhiên liệu sinh học tiên tiến	81	Các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế
70	Thiết bị công nghiệp, nông nghiệp, y tế sử dụng công nghệ hạt nhân, công nghệ bức xạ	82	Thuốc điều hòa sinh trưởng cho cây trồng, thuốc kích dục tố thủy sản thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế

DANH MỤC 107 SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

TT	Tên sản phẩm công nghệ cao	TT	Tên sản phẩm công nghệ cao
83	Vật liệu có độ tinh khiết cao sản xuất bằng công nghệ chiết với quy mô công nghiệp	96	Vật liệu tự phục hồi (Self healing materials)
84	Vật liệu polyme tái chế (Upcycling polymers)	97	Vật liệu từ tiên tiến
85	Vật liệu xúc tác, hấp thụ	98	Vật liệu in 3D tiên tiến, thân thiện với môi trường
86	Sản phẩm màng mỏng bằng công nghệ lắng đọng vật lý từ pha hơi (PVD) và lắng đọng hóa học từ pha hơi (CVD)	99	Vật liệu siêu dẻo, siêu bền, siêu nhẹ có nguồn gốc thân thiện với môi trường hoặc sử dụng trong môi trường khắc nghiệt
87	Vật liệu nano cao cấp, màng phủ nano	100	Vật liệu, thiết bị tiếp xúc với dịch, xương, mô, máu có thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc vĩnh viễn
88	Sản phẩm, thiết bị sử dụng công nghệ nano	101	Vật liệu polyme tiên tiến và composite nền cao phân tử chất lượng cao sử dụng trong môi trường khắc nghiệt, bền với khí hậu nhiệt đới
89	Kim loại tinh khiết, hợp kim đặc biệt có độ bền cao	102	Vật liệu polyme có khả năng tự phân hủy, thân thiện với môi trường (Bioplastics, biodegradable polymers) từ nguyên liệu tái tạo và nguyên liệu sinh học
90	Hệ thống và vật liệu ức chế ăn mòn kim loại trong điều kiện khí hậu và quy trình công nghiệp đặc biệt	103	Vật liệu gốm, sứ kỹ thuật cho công nghiệp điện, điện tử, chế tạo máy
91	Bê tông cốt phi kim đúc sẵn chất lượng cao	104	Sợi tính năng cao, sợi thủy tinh đặc biệt, sợi carbon
92	Nhôm kim loại sản xuất bằng công nghệ điện phân với dòng điện 500 kA	105	Vật liệu chức năng (Functional materials)
93	Vật liệu chế tạo linh kiện vi cơ điện tử và cảm biến thông minh	106	Sơn chuyên dụng cao cấp, thân thiện với môi trường
94	Vật liệu bán dẫn, quang điện tử và quang tử	107	Vật liệu cao su kỹ thuật cao cấp, cao su tổng hợp chuyên dụng phục vụ cho ngành chế tạo máy, điện, điện tử, an ninh, quốc phòng
95	Vật liệu tàng hình		